BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA K18 (2012-2016) HỆ ĐẠI HỌC
ĐÃ HOÀN THÀNH NĂM HỌC PHẦN MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT HỆ ĐẠI HỌC
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT HỆ ĐẠI HỌC BỔ SUNG

Ban hành kèm theo Quyết định số:...../QĐ-ĐHDT ngày.....tháng.....năm 2016

TT	MSSV	SVS	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	HP1	HP2	HP3	HP4	HP5	TB	XL	Nơi sinh	Ghi chú
01	1821125994	01BS/K18DH	Trương Diên Quốc	**Huy**	20/06/1994	K18CMU_TPM2	2.65	1.65	1.65	3.00	1.65	**2.12**	TB	TT Huế	
02	1821143917	02BS/K18DH	Phạm Hữu Châu	**Đạt**	30/01/1994	K18CMU_TTT	3.00	1.65	1.65	2.65	2.00	**2.19**	TB	Đà Nẵng	
03	1821143718	03BS/K18DH	Bùi Lê	**Huy**	25/10/1994	K18CMU_TTT	4.00	3.00	2.00	3.65	2.33	**3.00**	K	Đà Nẵng	
04	1820414120	04BS/K18DH	Nguyễn Hoàng Anh	**Thư**	14/10/1994	K18CSU_KTR2	2.00	1.65	3.00	2.65	2.33	**2.33**	TB	Đà Nẵng	
05	1821413548	05BS/K18DH	Phan Minh Triệu	**Vỹ**	06/10/1994	K18CSU_KTR2	4.00	2.33	2.00	1.65	2.00	**2.40**	TB	Quảng Nam	
06	1821415660	06BS/K18DH	Nguyễn Hoàng Trung	**Lưu**	28/04/1994	K18CSU_KTR3	3.33	3.33	3.33	3.00	2.33	**3.06**	K	Gia Lai	
07	1821416205	07BS/K18DH	Võ Nguyễn Minh	**Toàn**	26/03/1993	K18CSU_KTR3	2.65	2.33	2.00	2.00	2.65	**2.33**	TB	Đà Nẵng	
08	1821613835	08BS/K18DH	Nguyễn Châu	**Thành**	27/09/1988	K18CSU_XDD	2.00	1.65	2.33	2.33	3.00	**2.26**	TB	Đà Nẵng	
09	1820726739	09BS/K18DH	Bùi Thị Thanh	**Khanh**	10/01/1994	K18DLL	3.65	3.33	3.00	3.00	2.65	**3.13**	K	Quảng Nam	
10	1821724425	10BS/K18DH	Nguyễn Nho	**Trình**	03/08/1994	K18DLL	2.00	2.65	3.00	1.65	2.00	**2.26**	TB	Quảng Nam	
11	1820254908	11BS/K18DH	Lê Thị	**Thúy**	22/07/1994	K18KKT2	2.33	3.00	2.00	3.65	1.00	**2.40**	TB	Gia Lai	
12	1821414080	12BS/K18DH	Bùi Đức Nhất	**Linh**	23/10/1993	K18KTR1	2.65	3.33	3.33	2.00	2.65	**2.79**	K	DakLak	
13	1821413840	13BS/K18DH	Nguyễn Hữu	**Phúc**	04/12/1994	K18KTR1	3.33	2.65	4.00	2.00	2.00	**2.80**	K	Quảng Nam	
14	1821243650	14BS/K18DH	Trần Công	**Huy**	17/07/1994	K18PSU_QNH2	3.65	3.00	1.00	1.65	2.00	**2.26**	TB	Đà Nẵng	
15	1821244899	15BS/K18DH	Nguyễn Đình Quốc	**Việt**	20/02/1993	K18PSU_QNH2	2.33	3.00	1.65	1.65	1.65	**2.06**	TB	Đà Nẵng	
16	1821235338	16BS/K18DH	Nguyễn Mạnh	**Cường**	03/03/1994	K18QTC1	3.00	3.65	4.00	2.33	1.65	**2.93**	K	Gia Lai	
17	1820235343	17BS/K18DH	Nguyễn Thị Thanh	**Thúy**	15/10/1994	K18QTC1	1.65	3.00	2.65	2.33	4.00	**2.73**	K	DakLak	
18	1821216516	18BS/K18DH	Nguyễn Quốc Tuấn	**Kiệt**	13/04/1993	K18QTH1	2.65	2.33	2.00	2.00	1.65	**2.13**	TB	Đà Nẵng	
19	1821116731	19BS/K18DH	Trần Viết	**Yên**	22/02/1992	K18TMT	3.65	2.65	2.33	2.33	2.33	**2.66**	K	Quảng Nam	
20	1821125151	20BS/K18DH	Nguyễn Văn	**Hải**	30/05/1994	K18TPM	3.33	3.00	2.33	1.65	1.00	**2.26**	TB	Quảng Nam	
21	1821146239	21BS/K18DH	Võ Quốc	**Huy**	16/04/1994	K18TPM	2.33	4.00	3.33	2.00	1.00	**2.53**	K	Đà Nẵng	
22	1820356468	22BS/K18DH	Mai Khánh	**Hiền**	23/10/1994	K18VQH	2.00	3.00	1.65	2.00	1.65	**2.06**	TB	Nam Định	
23	1821623836	23BS/K18DH	Phạm	**Duy**	07/03/1994	K18XDC	4.00	4.00	3.00	1.65	1.00	**2.73**	K	Quảng Nam	
24	1821625193	24BS/K18DH	Ngô Thanh	**Quang**	02/03/1994	K18XDC	2.00	2.65	2.65	2.33	3.00	**2.53**	K	Quảng Nam	
25	1821614021	25BS/K18DH	Huỳnh Ngọc	**Tuấn**	04/11/1994	K18XDD3	1.65	2.65	4.00	2.65	2.00	**2.59**	K	Quảng Nam	
01	1810215468	01BS/K19DH	Nguyễn Thị Thanh	**Tú**	24/08/1992	K19KDN	3.00	2.00	2.65	1.65	3.00	**2.46**	TB	Đà Nẵng	

TT. GDTC-QP
ThS. Lê Đức Trọng

PHÒNG KHTC
Phan Phụng Hội

P. ĐÀO TẠO ĐH & SĐH
TS. Nguyễn Phi Sơn

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Đức Toàn

1	01BS/K18DH
2	02BS/K18DH
3	03BS/K18DH
4	04BS/K18DH
5	05BS/K18DH
6	06BS/K18DH
7	07BS/K18DH
8	08BS/K18DH
9	09BS/K18DH
10	10BS/K18DH
11	11BS/K18DH
12	12BS/K18DH
13	13BS/K18DH
14	14BS/K18DH
15	15BS/K18DH
16	16BS/K18DH
17	17BS/K18DH
18	18BS/K18DH
19	19BS/K18DH
20	20BS/K18DH
21	21BS/K18DH
22	22BS/K18DH
23	23BS/K18DH
24	24BS/K18DH
25	25BS/K18DH
1	01BS/K19DH